

HỒ BÁ THÂM. Văn hóa đương đại ở Nam bộ. H.: Văn hóa - Thông tin, 2013, 299 tr., Vb 51000.

Nội dung sách giới thiệu những vấn đề chung, khái quát về văn hóa Nam bộ đương đại, bên cạnh đó là những khảo sát trên một số lĩnh vực và hình thái (mang tính chuyên đề) như văn hóa lối sống, văn hóa đạo đức, văn hóa môi trường sinh thái, văn hóa nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa nhân lực, văn hóa chính trị-tư tưởng-pháp luật... Vấn đề nghiên cứu của cuốn sách nằm trong hệ thống vấn đề làm cơ sở cho việc quản lý phát triển lĩnh vực văn hóa-xã hội phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn chỉnh nền kinh tế thị trường, nền chính trị-xã hội dân chủ pháp quyền, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững ngày nay. Sách gồm 5 phần, 21 chương.

Phần 1 khái quát đặc trưng, nội dung văn hóa Nam bộ đương đại trong cơ hội và thách thức mới.

Phần 2 xem xét văn hóa đô thị vùng Nam bộ trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa.

Phần 3 chỉ rõ mối quan hệ giữa văn hóa và việc tạo nguồn nhân lực để công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Phần 4 phân tích vấn đề đạo đức, tài năng trong giới trẻ và sự giáo dục hiện nay ở một số trường hợp cụ thể.

Phần 5 chỉ ra những thách thức gay gắt về môi trường và biến đổi khí hậu ở vùng Nam bộ nhằm hướng tới việc xây dựng văn hóa môi trường vì sự phát triển bền vững.

HÀ LINH

NGUYỄN HUY PHƯỢNG. Giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. H.: Tư pháp, 2013, 234 tr., Vb 50990.

Cải cách tư pháp là một chủ trương lớn của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tích cực hội nhập quốc tế. Nhiệm vụ *Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020* do Đảng đề ra tại Đại hội XI đã đặt cải cách tư pháp trước những yêu cầu mới, việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp đứng trước những đòi hỏi cao hơn, trong đó có yêu cầu tăng cường giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp. Ngoài giám sát của cơ quan dân cử, cần có một cơ chế pháp lý đầy đủ, bảo đảm cho giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp có hiệu lực và hiệu quả. Nội dung sách là nghiên cứu có hệ thống về giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 trình bày một số vấn đề lý luận về giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó nêu rõ các khái niệm, nội dung, vai trò, đặc trưng, các yếu tố bảo đảm giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp; ngoài ra còn có sự đúc rút kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong lĩnh vực này.

Chương 2 nêu lên thực trạng giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp ở Việt Nam.

Chương 3 đưa ra quan điểm và các giải pháp nhằm bảo đảm giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp.

DIỆU LINH

HOÀNG VĂN CHÂU (Chủ biên). **Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP và vấn đề tham gia của Việt Nam** (Sách chuyên khảo). H.: Bách khoa Hà Nội, 2014, 252 tr., Vv 12418.

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) hiện nay có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (P4) được ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực từ 28/5/2006 giữa bốn nước Singapore, Chile, New Zealand, Brunei. Đến nay, với sự tham gia của 12 nước, mặc dù nội dung của TPP còn đang trong quá trình đàm phán nhưng vẫn có thể khẳng định những đặc điểm quan trọng của TPP. Cuốn sách giới thiệu nội dung cơ bản của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), những cơ hội và thách thức đối Việt Nam dựa trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.01.10/11-15. Sách gồm 4 chương.

Chương 1 tổng quan về Hiệp định TPP qua bối cảnh quốc tế và sự ra đời của TPP cũng như vị trí, vai trò của TPP trong nền kinh tế thế giới và mục tiêu, động cơ của các nước khi tham gia TPP.

Chương 2 phân tích kết quả đàm phán Hiệp định TPP trong lĩnh vực thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; đầu tư; mua sắm chính phủ; doanh nghiệp nhà nước; sở hữu trí tuệ; lao động, công đoàn; môi trường.

Chương 3 phân tích cơ hội, thách thức chung đối với Việt Nam trong quá

trình đàm phán và trong từng lĩnh vực khi kết thúc đàm phán TPP.

Chương 4 đưa ra quan điểm, định hướng và giải pháp của Việt Nam khi tham gia TPP.

QT.

Những thách thức và giải pháp đối với chính sách an sinh xã hội bền vững cho tất cả mọi người tại Việt Nam và Đức. H.: Chính trị quốc gia - Sự thật, 2013, 220 tr, Vb 50984.

Cuốn sách bao gồm những bài tham luận của các nhà khoa học hàng đầu về an sinh xã hội của Việt Nam và Đức tại Hội nghị đối thoại về phát triển bền vững ở hai nước do Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Dân chủ Xã hội Đức tổ chức. Nội dung sách giới thiệu các mô hình an sinh xã hội, những thách thức đối với an sinh xã hội của từng nước và trao đổi kinh nghiệm thành công cũng như giải quyết những khó khăn trong việc phát triển an sinh xã hội ở Việt Nam và Đức.

Các bài tham luận tập trung vào các vấn đề như: lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống an sinh xã hội, bảo trợ xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương, chính sách bảo hiểm xã hội, chế độ bảo hiểm hưu trí, an sinh xã hội là động lực cho chính sách phát triển bền vững... qua thực thi chính sách an sinh xã hội ở hai nước. Trên cơ sở đó, đề xuất những ý tưởng, sáng kiến về chiến lược, chính sách và biện pháp nhằm hướng tới mục tiêu chung là đảm bảo một hệ thống an sinh xã hội bền vững cho mọi người dân ở Việt Nam và Đức, không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, góp phần bảo đảm phát triển đất nước.

HN.

TRẦN HOA PHƯỢNG. **Lợi thế xuất khẩu nông sản của Việt Nam sau khi gia nhập WTO.** H.: Chính trị quốc gia, 2013, 271 tr., Vb 50819.

Sau khi gia nhập WTO, nông nghiệp nước ta có thêm nhiều cơ hội phát triển, thị trường thế giới mở rộng cho những mặt hàng xuất khẩu truyền thống nông nghiệp và thủy sản. Việt Nam đang là một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trong khu vực và trên thế giới với nhiều sản phẩm đặc trưng như: lúa gạo, cà phê, cao su, hạt điều, hồ tiêu, chè... Tuy nhiên, những vấn đề như mức độ cạnh tranh thấp, hay phải đương đầu với trợ cấp xuất khẩu của các nước giàu, chưa đủ năng lực thực thi các điều khoản cam kết, việc cắt giảm thuế quan và các trợ cấp nông nghiệp... đang là những thách thức đối với nền nông nghiệp Việt Nam. Sách gồm 3 chương.

Chương 1 đi từ sự phân tích các lý thuyết về lợi thế trong quan hệ thương mại quốc tế đến khái quát các đặc điểm của sản xuất và xuất khẩu nông sản; làm rõ kinh nghiệm phát huy lợi thế trong xuất khẩu nông sản sau khi gia nhập WTO của một số nước như Thailand, Malaysia, Trung Quốc...

Chương 2 nêu bật những nhân tố ảnh hưởng, từ đó phân tích thực trạng việc phát huy lợi thế của Việt Nam trong xuất khẩu nông sản sau khi gia nhập WTO, cụ thể là những lợi thế về: sản lượng, năng suất; chi phí, giá xuất khẩu; thị phần xuất khẩu, thị trường tiêu thụ; chất lượng nông sản...

Trên cơ sở đó, chương 3 đưa ra quan điểm và những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy lợi thế của Việt Nam trong xuất khẩu nông sản.

PHẠM NGUYỄN

NHIỀU TÁC GIẢ (biên soạn). **Văn hóa các dân tộc Việt Nam.** H.: Văn hóa - Thông tin, 2013, 448 tr., Vb 51053.

Việt Nam là quốc gia đa tộc người, nền văn hóa Việt Nam được tạo ra từ nền văn hóa của 54 dân tộc anh em. Mỗi dân tộc với bản sắc văn hóa riêng góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng trong tính thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Bản sắc văn hóa của các dân tộc được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc, điều đó đã tạo nên sắc thái riêng của từng dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc điểm của nền văn hoá cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Ba chương sách sẽ đem đến cho bạn đọc một bức tranh đa dạng về văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Chương 1 nêu bật một số đặc trưng cơ bản của các dân tộc Việt Nam qua lịch sử phát triển, sự phân bố lãnh thổ các dân tộc, đặc điểm tộc người, ngôn ngữ các dân tộc, tổ chức cộng đồng, đặc điểm kinh tế, tín ngưỡng và tôn giáo.

Chương 2 giới thiệu văn hóa phong tục, ẩm thực, trang phục, lễ hội và các làng nghề truyền thống của các dân tộc Việt Nam.

Chương 3 đề cập đến sự phong phú của văn hóa nghệ thuật các dân tộc Việt Nam, bao gồm các lĩnh vực như: văn học, kiến trúc, mỹ thuật, sân khấu, âm nhạc và điện ảnh.

MQ.

NGUYỄN VĂN BẮC. **Nhận thức về biển và sức mạnh của các thế lực đại dương trong tư tưởng một số nhà cải cách Việt Nam cuối thế kỷ XIX.** H.: Thế giới, 2014, 188 tr., Vb 51353.

Nội dung sách gồm 3 chương, tập trung làm rõ những vấn đề chính, là:

- Tổng hợp nhận thức về biển và sức mạnh của các thế lực đại dương trong tư tưởng một số nhà cải cách Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Từ đó so sánh và đánh giá những điểm giống và khác nhau trong nhận thức giữa các nhà cải cách Việt Nam; đối sánh với các nhân vật tiêu biểu cùng thời của Trung Quốc và Nhật Bản nhằm rút ra những nhận xét mang tính toàn diện và khách quan.

- Dựa vào nội dung của các bản điều trần, ghi chép và hành động thực tiễn của một số nhà cải cách, tác giả phân tích và luận giải nhằm chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của các đề án canh tân tiến bộ.

- Đánh giá sức mạnh của các thế lực đại dương; sự điều chỉnh hay sự lựa chọn mô hình phát triển của các quốc gia Đông Á; hệ quả của sự lựa chọn mô hình phát triển của Đông Á; hệ quả của sự lựa chọn mô hình phát triển của Nhật Bản, Thailand, Trung Quốc và Việt Nam.

- Thông qua tư tưởng và cả hành động thực tiễn của một số nhà cải cách Việt Nam cho thấy sự khẳng định rõ ràng về vai trò, vị trí của biển và an ninh biển đối với sự an định và phát triển của các quốc gia ven biển.

- Cùng với việc củng cố và phát triển sức mạnh của lục địa, đối với các quốc gia có biển, vấn đề chiến lược được đặt ra là phải mở cửa, vươn ra biển và làm chủ vùng biển của mình; kết hợp sức mạnh của lục địa với sức mạnh của đại dương là nhân tố đảm bảo vững chắc cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Trong thời đại ngày nay, nhận thức về biển và sức mạnh của các thế lực đại dương có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc khi mà thế kỷ XXI được coi là thế kỷ của đại dương.

HÀ LINH

ĐỨC VƯỢNG. Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước (Sách tham khảo). H.: Chính trị quốc gia, 2014, 598 tr., Vb 51399.

Việt Nam đang phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải xây dựng được một nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đội ngũ trí thức là nguồn nhân lực đặc biệt quan trọng. Những năm qua, đội ngũ trí thức Việt Nam cả trong và ngoài nước đã có những đóng góp tích cực cả về nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn, góp phần nâng cao vị thế của đất nước. Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới, đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế cả về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu. Vì vậy, xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức ngang tầm nhiệm vụ mới là một trong những mục tiêu chiến lược trong phát triển đất nước. Nội dung cuốn sách gồm 3 phần.

Phần 1 khái quát một số vấn đề chung liên quan đến khái niệm trí thức, những đặc trưng cơ bản của người trí thức, phẩm chất của người trí thức Việt Nam, mối quan hệ giữa tầng lớp trí thức Việt Nam với giai cấp công nhân và nông dân...

Phần 2 tổng quan về thực trạng đội ngũ trí thức Việt Nam và việc sử dụng trí thức, trọng dụng nhân tài; đồng thời phân tích làm rõ thực trạng của đội ngũ trí thức Việt Nam trong một số lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội.

Trên cơ sở đó, ở phần 3, tác giả đưa ra phương hướng và đề xuất một số giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

HOÀI PHÚC